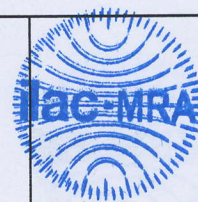




CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



Số: 35/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	156M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	12/10/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
3	157M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	12/10/2015 9g30-9g45	
4	158M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	12/10/2015 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	158M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			12/10/2015 9g00-9g15	
6	158M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			12/10/2015 9g30-9g45	
7	159B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			12/10/2015 8g00-8g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				156M ₁ 01/15	157M ₁ 01/15	158M ₁ 01/15	158M ₂ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.05	7.15	6.88	6.95
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.87	0.88	0.76	0.60
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.05	0.06	0.04	0.03
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.82	16.16	18.08	15.82
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.75	47.24	46.77	49.64
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0039	0.0040	0.0037	0.0037
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	7.20	6.70	5.50	4.80
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	4.10	4.80	3.80	5.20
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.80	7.00	6.50	6.10
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	KPH	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.45	0.39	0.45	0.39
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0.44	KPH

 CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	 VILAS 746
--	--	---

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				158M ₃ 01/15	159B01/15		
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.15	6.81		
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.78	0.59		
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.04	0.03		
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.72	15.82		
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	46.77	46.27		
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH		
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.80	4.80		
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không		
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.60	3.70		
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.30	6.70		
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH		
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.52	0.39		
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH		
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53		

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Tuy Hòa , ngày 19 tháng 10 năm 2015

Bộ Phận Hóa Nghiệm



Nguyễn Tấn Thuận

KS. Nguyễn Khắc Hoàn

Võ Bá Duy Huân